

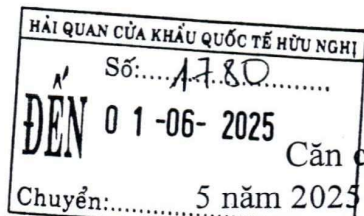
BỘ CÔNG AN
VIỆN KHOA HỌC HÌNH SỰ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 178/KL-KTHS

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2025



KẾT LUẬN GIÁM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định trưng cầu giám định số 173/QĐ-HQHN ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Chi cục hải quan khu vực VI về việc giám định hóa học trong vụ việc xảy tại thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Tôi:

Ông: Trung tá Phạm Toàn Thắng - Giám định viên tư pháp lĩnh vực kỹ thuật hình sự về hóa học

Chức vụ: Cán bộ

Thuộc cơ quan giám định: Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an

Số thẻ: 640046/GĐVTP/BCA cấp ngày 07 tháng 5 năm 2024

Nơi cấp: Bộ Công an

đã nhận Quyết định trưng cầu giám định trên và đã tiến hành giám định tại Viện Khoa học hình sự từ ngày 29 tháng 5 năm 2025 đến ngày 30 tháng 5 năm 2025.

I. ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH

1. Mẫu cần giám định

01 (một) hộp giấy có nhãn "Pod Pro 2 RELX 3% Nicotine 1.9ml E-liquid" bên trong có 01 (một) sản phẩm có chứa chất lỏng đựng trong 01 (một) túi nilon không màu được niêm phong hải quan số T/21.0101466.

2. Tên tài liệu có liên quan hoặc gửi kèm theo

01 (một) biên bản lấy mẫu (bản sao).

II. NỘI DUNG YÊU CẦU GIÁM ĐỊNH

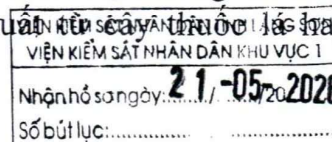
Dung dịch trong mẫu vật gửi giám định có chứa nicotine hay không? Nếu có thì có nguồn gốc tự nhiên hay nhân tạo (tổng hợp) hóa học? Dung dịch có thể tích bao nhiêu?

III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH

1. Cảm quan, xử lý mẫu
2. Phương pháp hóa học
3. Phương pháp Sắc ký khí khối phổ (GC/MS)
4. Phương pháp Sắc ký lỏng khối phổ (LC/MS)

IV. KẾT LUẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH

Chất lỏng trong 01 (một) sản phẩm đựng trong 01 (một) hộp giấy có nhãn "Pod Pro 2 RELX 3% Nicotine 1.9ml E-liquid" gửi giám định có chứa nicotine, thể tích chất lỏng là 1,9ml. Hiện tại, Viện Khoa học hình sự không đủ điều kiện để xác định chất nicotine nói trên được chiết xuất từ cây thuốc lá hay được tổng hợp hóa học.



Kèm theo kết luận giám định: Không.

Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu cần giám định đã sử dụng hết để thực hiện giám định nên không hoàn trả./.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Toàn Thắng

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Đại tá Đặng Văn Đoàn

Nơi nhận:

- Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Chi cục hải quan khu vực VI,
- Lưu hồ sơ giám định 02 bản.

31/5
2025

- Hc Tung tham mưu thực hiện.
- Lưu hồ sơ.





BIÊN BẢN
Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính

Căn cứ Biên bản số 07/BB-TG lập ngày 25/5/2025 tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-TG ngày 25/5/2025 về việc tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-KDTG ngày 03/6/2025 về việc kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-KDTG ngày 25/6/2025 về việc kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật vi phạm hành chính.

Hôm nay, hồi 15 giờ 30 phút, ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (địa chỉ: Tầng 4 Tòa nhà liên hợp cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn).



Hội đồng định giá tang vật vi phạm hành chính, gồm có:

1. Chủ tịch Hội đồng: Ông Nguyễn Đức Lâm; chức vụ: Phó Đội trưởng Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị.

2. Đại diện cơ quan tài chính - Thành viên:

a) Bà Nguyễn Thị Phương Lan; chức vụ: Phó trưởng phòng Phòng Quản lý giá và công sản - Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn.

b) Bà Đinh Thị Hiền; chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý giá và công sản - Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn.

3. Đại diện Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn - Thành viên:

Bà Lương Thị Khai; chức vụ: Chuyên viên chính, phòng An toàn thực phẩm.

4. Đại diện Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Lạng Sơn - Thành viên:

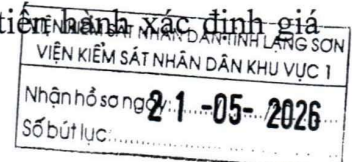
Ông Hoàng Văn Thê; chức vụ: Kiểm soát viên thị trường, Phòng Nghiệp vụ tổng hợp.

5. Đại diện bộ phận chuyên môn của Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị:

Ông Sầm Văn Tùng; chức vụ: Công chức Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị - Thư ký.

Tiến hành xác định giá trị và lập biên bản xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính theo Quyết định thành lập Hội đồng xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính số 103/QĐ-HQHN ngày 22/4/2026.

1. Hội đồng định giá tang vật vi phạm hành chính đã tiến hành xác định giá trị của tang vật vi phạm hành chính dựa trên các căn cứ sau:



- Căn cứ khoản 3 Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 ngày 13/11/2020 và Luật số 88/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ Nghị định số 371/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về một số biện pháp phòng, chống tác hại của thuốc lá và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Căn cứ Công văn số 2129/BYT-PC ngày 30/3/2026 của Bộ Y tế về việc ý kiến vướng mắc trong việc xác định hàng hóa là tang vật vi phạm liên quan thuốc lá điện tử;

- Căn cứ Kết luận giám định số 178/KL-KTHS ngày 30/5/2025 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an;

- Căn cứ giá bán của các mặt hàng trên trang web của nhà sản xuất tại địa chỉ <https://relxnow.com/products/relx-pod-pro>

2. Giá trị tang vật vi phạm hành chính được định giá là:

- Giá trị tang vật vi phạm hành chính là Bộ phận chứa dung dịch thuốc lá điện tử và dung dịch thuốc lá điện tử (số lượng: 16.900 cái): **2.480.498.000 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

(Theo bảng kê chi tiết kèm theo).

Biên bản lập xong vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 06/5/2026, gồm 02 (hai) trang, được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN TÀI CHÍNH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



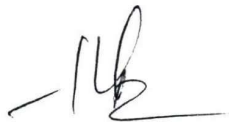
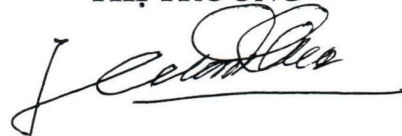


Nguyễn Thị Phương Lan Đinh Thị Hiền

Nguyễn Đức Lâm

ĐẠI DIỆN SỞ Y TẾ

**ĐẠI DIỆN CHI CỤC QUẢN LÝ
THỊ TRƯỜNG**

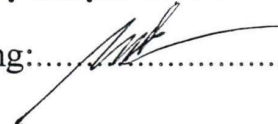



Lương Thị Khai

Hoàng Văn Thể

ĐẠI DIỆN BỘ PHẬN CHUYÊN MÔN

Sầm Văn Tùng:.....

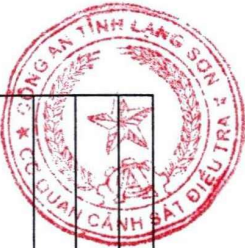


HẢI QUAN CỦA KHÁU QUỐC TẾ HỮU NGHỊ
HỘI ĐỒNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TANG VẬT VPHC

BẢN KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Biên bản xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính số 22/BB-XĐTG ngày 06/5/2026 của Hội đồng xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính - Hải quan cửa khẩu quốc tế Hữu nghị)

STT	Tên tang vật vi phạm hành chính được định giá	Đơn vị tính	Số lượng	Đặc điểm, chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng	Đơn giá (USD)	Tỷ giá (ngày 25/5/2025)	Thành tiền (đồng)	Căn cứ xác định giá
1	Bộ phận chứa dung dịch thuốc lá điện tử và dung dịch thuốc lá điện tử	Cái	16.900	Tang vật gồm bộ phận chứa dung dịch thuốc lá điện tử (đã có tinh dầu thuốc lá điện tử chứa bên trong). Trên nhãn hàng hóa thể hiện chữ Pod pro 2, hiệu RELX, 3% nicotin, 1.9 ml E-liquid, mới 100%	5,70	25.750	2.480.497.500	Thông tin về giá sản phẩm tương tự (hiệu RELX) trên trang web của nhà sản xuất tại địa chỉ https://relxnow.com (phần Muti-Buy, sản phẩm 18mg/ml/Fruit/Juicy Strawberry x 1) (giá 11,4 USD/hộp = 2 cái => 1 cái = 5,7 USD)
	Cộng:						2.480.497.500	
	Lâm tròn:						2.480.498.000	
Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm tám mươi triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng.								



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 1
Nhận hồ sơ ngày 21-05-2026
Số bút lục:



172

RELX

Hot Deals Creator

Device

Pod

Nicotine AirPouch

Autoship

Support

Discover RELX

Collection

Fruit

Mint

Tea

Tobacco

Beverage

Dessert

Flavor

NEW Juicy Strawberry

NEW Iced Orangeade

NEW Iced Tropical Pineapple

Hawthorn Ice

Green Apple Ice

Watermelon Ice

Sea Salt Lychee

Lime Ice

Mango Ice

Strawberry Burst

Green Grape

Pineapple Delight

Green Melon

Tangy Purple

Ruby Raspberry

Multi-Buy

1 Pod
\$11.40/pack

US \$11.40

5 Pods
\$57.00/pack

US \$54.15
\$5.99/pack

18mg/ml / Fruit / Juicy Strawberry x1

US \$11.40 Sorry, purchases are not supported in this region

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LANG SON
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 1
Nhận hồ sơ ngày: 21-05-2026
Số bút lục: 120





THÔNG TIN CHI TIẾT HÀNG HÓA



Tỷ giá ngày 25/5/2025

Số tờ khai: 107209836750	Ngày ĐK : 25-05-2025	Hải quan: 15BB-HQHUONGHI
Loại hình: A11 - Nhập kinh doanh tiêu dùng	Đơn vị NK: 0101195637-Công Ty TNHH Sản Xuất và Dịch vụ Thương mại Quyền Anh	
Đơn vị đối tác: PINGXIANG YUERONG TRADE CO.,LTD	Nước xuất khẩu: CN - China	
Mã giao hàng: DAF	Phương tiện vận tải: 4-Đường bộ (xe tải)	
Nguyên tệ: USD	Phương thức thanh toán: TTR	
Tỷ giá USD: 25750.00	Tỷ giá VND: 25750.00	

Thông tin hàng khai báo

Số TT hàng trên Tờ khai XN: 4	Tên hàng: Lưỡi cắt, được làm chủ yếu bằng kim loại cơ bản, có chứa thành phần hạt mài kim cương nhân tạo. KT(40x4,5x12)mm+/-2mm. Nhà sx: Hubei Changli, mới 100%
Mã hàng khai báo: 68042100	Nước xuất xứ: CN - China
Lượng: 5000 (PCE - Cái/Chiếc)	Đơn giá nguyên tệ: 0.4 (USD)
Phương pháp khai báo: GATT Phương pháp 1	Đơn giá khai báo ban đầu (USD): .4000
	Đơn giá khai báo bổ sung (USD): .4000

Thông tin hàng xác định giá

Số TT hàng trên Tờ khai XN: 4	Tên hàng:
Mã hàng:	Nước xuất xứ:
Lượng: ()	Đơn giá nguyên tệ:
Phương pháp áp giá:	Đơn giá tính thuế USD:
Thuế suất thuế nhập khẩu:	Thuế suất thuế xuất khẩu:
Thuế suất thuế VAT:	Thuế suất thuế TTĐB:
Thuế môi trường:	Thuế tự vệ:

Thông tin ghi nhận kiểm tra, xác định giá

Cấp xử lý	Ngày kiểm tra	Kết quả kiểm tra	Nội dung ghi chú
Cấp chỉ cục - ấn định thuế theo:	Ngày kiểm tra:	Kết quả kiểm tra: - Ngày nhập máy:	Nội dung ghi chú:
Cấp cục:	Ngày kiểm tra:	Kết quả kiểm tra: - Ngày nhập máy:	
Cấp Tổng cục:	Ngày kiểm tra:	Kết quả kiểm tra: - Ngày nhập máy:	
kết quả kiểm tra nội dung khai báo: Chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo			

Thông tin tham vấn giá

Cấp xử lý	Ngày tham vấn	Kết quả tham vấn	Số biên bản	Nội dung ghi chú
Cấp chỉ cục tham vấn:	Ngày tham vấn:	Kết quả tham vấn:	Số biên bản:	Nội dung ghi chú:
Cấp Cục tham vấn:	Ngày tham vấn:	Kết quả tham vấn:	Số biên bản:	Nội dung ghi chú:

Tổng số 0

Thông tin chỉ đạo/phản hồi

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC I
Nhận hồ sơ ngày 21-05-2026
Số bút lục:

CHI CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
TỈNH LẠNG SƠN
ĐỘI QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG SỐ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: 20020002/BB-XDGT

BIÊN BẢN

Xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

Căn cứ Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số: 20020003/BB-TG ngày 07/8/2025 của Đội Quản lý thị trường số 2;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số: 20020003/BB-TG ngày 07/8/2025 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2;

Căn cứ Quyết định về việc thành lập Hội đồng xác định trị giá tang vật vi phạm hành chính số 136/QĐ-QLTTĐ2 ngày 09/8/2025 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2.

Hôm nay, hồi 08 giờ 00 phút, ngày 11/8/2025, tại trụ sở Đội Quản lý thị trường số 2, địa chỉ: Ngã tư Hồng Phong, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn.

Hội đồng định giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, gồm có:

1. Người ra quyết định tạm giữ tang vật vi phạm, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề - Chủ tịch Hội đồng:

Ông: Trần Duy Hiệu; chức vụ: Đội trưởng.

Cơ quan: Đội Quản lý thị trường số 2.

2. Đại diện cơ quan tài chính - Thành viên:

- Ông : Nông Văn Hiến, Chức vụ: Chuyên viên. Cơ quan: Phòng Quản lý giá và công sản, Sở Tài chính - Kế hoạch tỉnh Lạng Sơn.

3. Đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan đến tang vật, phương tiện vi phạm hành chính - Thành viên:

- Bà : Lê Thị Lan. Chức vụ: Phó trưởng phòng. Cơ quan: Phòng kế hoạch – tổng hợp, Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm - Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn.

- Bà Chu Thị Yến. Chức vụ: Phó trưởng phòng. Cơ quan : Phòng kiểm nghiệm đông dược - dược liệu và kiểm nghiệm Hóa lý, Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm - Sở Y tế tỉnh Lạng Sơn.

- Ông: Hoàng Phạm Đức. - Chức vụ : Cán bộ. Cơ quan: Phòng PC03, Công an tỉnh Lạng Sơn

4. Đại diện bộ phận chuyên môn của cơ quan của người ra Quyết định tạm giữ tang vật vi phạm - Thành viên:

- Ông: Đặng Sĩ Tùng, Phó Đội trưởng - Đội Quản lý thị trường số 2.

- Bà: Đinh Hải Vân, KSVTT - Đội Quản lý thị trường số 2.

- Ông: Hứa Thanh Sơn, KSVTT - Đội Quản lý thị trường số 2.

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 1	
Nhận hồ sơ ngày:...../...../20.....	
Bút lục:.....	

[Handwritten signatures and stamps at the bottom of the document]

- Ông: Nông Mạnh Dũng, KSVTT - Đội Quản lý thị trường số 2.

- Ông: Phạm Tùng Lâm, KSVTT - Đội Quản lý thị trường số 2.

Tiến hành xác định giá trị và lập biên bản xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính theo các: Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số: 20020003/QĐ-TG ngày 07/8/2025 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2.

1. Hội đồng định giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã tiến hành xác định giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính dựa trên các căn cứ sau:

Căn cứ Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số: 20020003/BB-TG ngày 07/8/2025 của Đội Quản lý thị trường số 2;

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính số: 136/QĐ-QLTT ngày 09/8/2025 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2.

* Ông Trần Duy Hiệu, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2 - Chủ tịch Hội đồng chủ trì và thông qua nội dung cuộc họp, báo cáo tóm tắt vụ việc như sau:

Vào hồi 12 giờ 15 phút, ngày 07/8/2025 Đội Quản lý thị trường số 2 phối hợp với Phòng PC03 - Công an tỉnh Lạng Sơn, Đội kiểm tra công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tỉnh Lạng Sơn (Đội 389), Đoàn biên phòng Hữu Nghị, Công an xã Đồng Đăng, Hạt Kiểm lâm khu vực Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn tiến hành kiểm tra đột xuất Hộ kinh doanh cửa hàng lưu niệm Hữu Nghị; địa chỉ: Block 7, tầng 1, tòa nhà Hữu Nghị Plaza, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn. Tại thời điểm kiểm tra, hộ kinh doanh đang hoạt động bình thường, Đoàn kiểm tra phát hiện tổng số hàng hóa thuộc sở hữu của Hộ kinh doanh cửa hàng lưu niệm Hữu Nghị gồm: **65** chai rượu sản xuất ngoài Việt Nam; **92** chai rượu sản xuất trong nước có độ cồn từ 5,5 độ trở lên; **221** cây thuốc lá các loại sản xuất ngoài Việt Nam loại 10 bao/1 cây; **156** sản phẩm thuộc nhóm hàng là mỹ phẩm sản xuất ngoài Việt Nam và **197** kg thuốc thuộc nhóm hàng là thuốc bắc sản xuất ngoài Việt Nam (được thể hiện chi tiết tại các Bảng kê dưới).

Tại thời điểm kiểm tra, ông Nguyễn Mạnh Lục là chủ hộ kinh doanh không xuất trình được hoá đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc số hàng hoá trên. Đội Quản lý thị trường số 2 đã ra Quyết định tạm giữ toàn bộ số hàng hoá trên để xác minh chủ sở hữu và các tình tiết liên quan, để xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật.

* Ông Đặng Sĩ Tùng - Phó Đội trưởng, Đội Quản lý thị trường số 2 – Thành viên, đã thông qua quá trình khảo sát giá tại các cơ sở kinh doanh trên thị trường có mẫu mã, chủng loại, chất lượng hàng hóa tương tự tại thời điểm đối với hàng hóa. Cụ thể như sau:

*** Đối với mặt hàng rượu:**



STT	Tên hàng	Chủng loại, đặc điểm	ĐVT/ VNĐ	Hộ kinh doanh Thân Xuân Khanh. Địa chỉ số 63+65 đường Lê Lợi, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc. Địa chỉ số 364 đường Bà Triệu, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Hộ kinh doanh Lê Thị Lan. Địa chỉ số 75 đường Bắc Sơn, phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn	Giá trung bình (VNĐ)
1	Rượu Hennessy X.O	Loại 1 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	2.100.000	1.500.000	1.700.000	1.766.667
2	Rượu Hennessy Paradis	Loại 700 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	3.500.000	2.000.000	2.500.000	2.666.667
3	Rượu Moutai	Loại 1 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	14.000.000	14.500.000	14.000.000	14.166.667
4	Rượu Moutai	Loại 500 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	9.100.000	9.500.000	9.800.000	9.466.667
5	Rượu Moutai vàng	Loại 500 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	3.000.000	3.000.000	3.500.000	3.166.667
6	Rượu Martell X.O	Loại 3 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	6.000.000	4.000.000	3.500.000	4.500.000
7	Rượu Martell X.O	Loại 1 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	3.000.000	2.000.000	2.400.000	2.466.667
8	Rượu Hennessy	Loại 3 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	3.000.000	3.000.000	3.300.000	3.100.000
9	Rượu Martell Cordon Blue	Loại 700 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	2.000.000	1.800.000	1.900.000	1.900.000
10	Rượu Martell Cordon Blue	Loại 3 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	3.600.000	3.500.000	3.500.000	3.533.333
11	Rượu Louis XIII	Loại 500 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000
12	Rượu Xuyên sơn giáp	Loại 420ml	Chai	800.000	820.000	850.000	823.333

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC I

Nhận hồ sơ ngày: 11/05/2019
Số biên lục: 11-05-2019

13	Rượu Cao hồ cốt	Loại 750ml	Chai	750.000	800.000	810.000	786.667
----	-----------------	------------	------	---------	---------	---------	---------

*** Đối với mặt hàng thuốc lá:**

STT	Tên hàng	Chủng loại, đặc điểm	ĐVT/ VNĐ	Hộ kinh doanh Thân Xuân Khanh. Địa chỉ số 63+65 đường Lê Lợi, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc. Địa chỉ số 364 đường Bà Triệu, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Hộ kinh doanh Lê Thị Lan. Địa chỉ số 75 đường Bắc Sơn, phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn	Giá trung bình (VNĐ)
1	Thuốc lá 3 số 555 vàng	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	400.000	300.000	300.000	333.333
2	Thuốc lá 3 số 555 xanh	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	400.000	300.000	300.000	333.333
3	Thuốc lá hoa sen	Loại dẹt, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	980.000	950.000	980.000	970.000
4	Thuốc lá hoa sen	Loại thường, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	950.000	930.000	930.000	936.667
5	Thuốc lá Yuxi	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	580.000	600.000	610.000	596.667
6	Thuốc lá Chunghua	Loại dẹt, màu đỏ vàng, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000

[Handwritten signatures and marks]

[Handwritten signatures and marks]



7	Thuốc lá Chunghua	Loại thường, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	1.900.000	1.800.000	1.600.000	1.766.667
8	Thuốc lá Furongwang	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	1.100.000	1.000.000	1.100.000	1.066.667
9	Thuốc lá	Chữ nước ngoài, hộp màu vàng, loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	650.000	690.000	680.000	673.333
10	Thuốc lá HUANGHE LOU 1916	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	1.500.000	1.700.000	1.600.000	1.600.000
11	Thuốc lá Harmonizati on tím	Loại cây dài, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	3.000.000	3.100.000	3.300.000	3.133.333
12	Thuốc lá Harmonizati on tím	Loại cây ngắn, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	3.000.000	3.100.000	3.300.000	3.133.333
13	Thuốc lá Yuhuashi	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	1.400.000	1.400.000	1.500.000	1.433.333

*** Đối với mặt hàng mỹ phẩm:**

STT	Tên hàng	Chủng loại, đặc điểm	ĐVT	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc. Địa chỉ số 364 đường Bà	Hộ kinh doanh Trịnh Thị Huyền Trang. Địa chỉ số 142 đường Lê Hồng Phong,	Hộ kinh doanh Cao Xuân Thịnh. Địa chỉ số 454 đường Bà Triệu, phường	Giá trung bình (VNĐ)
						VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 1 Nhà ở số ngày:/...../20..... Số bút lục: 11-06-2022	

[Handwritten signatures and stamps]

[Handwritten signature]

				Triệu, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	phường Tam Thanh, tỉnh Lạng Sơn	Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	
1	Nước hoa Tomford đen	Loại 100ml/chai, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	3.000.000	3.600.000	3.700.000	3.433.333
2	Serum Kiehl's	Loại 100ml/chai, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	900.000	1.700.000	1.200.000	1.266.667
3	Sữa rửa mặt SK-II	Loại 120g/tuýp, sản xuất ngoài Việt Nam	Tuýp	900.000	950.000	900.000	916.667
4	Sữa rửa mặt Chanel	Loại 150ml/tuýp, sản xuất ngoài Việt Nam	Tuýp	900.000	950.000	950.000	933.333
5	Sữa rửa mặt Clé de peau	Loại 125g/tuýp, sản xuất ngoài Việt Nam	Tuýp	1.000.000	1.150.000	1.200.000	1.116.667
6	Tẩy trang Shu uemura	Loại 450ml/chai, sản xuất ngoài Việt Nam	Chai	1.200.000	1.450.000	1.300.000	1.316.667
7	Phấn nước YSL	Loại 14g/hộp, sản xuất ngoài Việt Nam	Hộp	1.200.000	1.250.000	1.200.000	1.216.667
8	Kem nền Estée	Loại 30ml/lọ, sản xuất ngoài Việt Nam	Lọ	900.000	650.000	700.000	750.000
9	Son Tom Ford	Loại 3g/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Cây	900.000	950.000	900.000	916.667

*** Đối với mặt hàng thuốc bắc:**

[Handwritten signatures and notes at the bottom of the page]



STT	Tên hàng	Chủng loại, đặc điểm	ĐVT	Hộ kinh doanh Trịnh Đình Thỏa. Địa chỉ quầy 75 tầng 1 chợ Đông Kinh, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Hộ kinh doanh Hoàng Anh Tuấn. Địa chỉ số 77 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn	Hộ kinh doanh Tiến Thị May. Địa chỉ quầy 83 tầng 1 chợ Đông Kinh, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn	Giá trung bình (VNĐ)
1	Tam thất	Đã sấy khô, dạng củ	Kg	600.000	500.000	650.000	583.333
2	Trương dương	Đã sấy khô	Kg	400.000	500.000	450.000	450.000
3	Nhung hươu	Loại trắng, đã sấy khô, đã thái lát mỏng	Kg	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
4	Cây cỏ thạch phụ	Đã sấy khô	Kg	320.000	300.000	350.000	323.333
5	Thiếu linh	Đã sấy khô	Kg	75.000	90.000	85.000	83.333
6	Nhung hươu	Loại đỏ, đã sấy khô, đã thái lát mỏng	Kg	850.000	850.000	850.000	850.000
7	Thiên mã	Đã sấy khô	Kg	230.000	250.000	250.000	243.333
8	Quả liệt dương	Đã sấy khô	Kg	150.000	170.000	180.000	166.667
9	Máu nảo	Đã sấy khô	Kg	45.000	60.000	65.000	56.667
10	Thuốc tẩy phổi	Đã sấy khô	Kg	290.000	250.000	260.000	266.667

(Có các phiếu khảo giá hàng hóa kèm theo)

2. Giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được định giá theo bảng kê chi tiết dưới đây:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Chủng loại, đặc điểm	Tình trạng hàng hóa	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
-----	--------------	-------------	----------------------	---------------------	----------	---------------	------------------

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 1
Nhận hồ sơ ngày:/...../20.....
Số bút lục: 77-25-2020

[Handwritten signatures and stamps at the bottom of the page]

1. Mặt hàng rượu:							
1	Rượu Hennessy X.O	Chai	Loại 1 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	04	1.766.667	7.066.667
2	Rượu Hennessy Paradis	Chai	Loại 700 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	02	2.666.667	5.333.334
3	Rượu Moutai	Chai	Loại 1 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	18	14.166.667	255.000.006
4	Rượu Moutai	Chai	Loại 500 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	27	9.466.667	255.600.009
5	Rượu Moutai vàng	Chai	Loại 500 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	05	3.166.667	15.833.335
6	Rượu Martell X.O	Chai	Loại 3 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	01	4.500.000	4.500.000
7	Rượu Martell X.O	Chai	Loại 1 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	03	2.466.667	7.400.001
8	Rượu Hennessy	Chai	Loại 3 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	01	3.100.000	3.100.000
9	Rượu Martell Cordon Blue	Chai	Loại 700 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	01	1.900.000	1.900.000
10	Rượu Martell Cordon Blue	Chai	Loại 3 lít, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	01	3.533.333	3.533.333

Đ. Văn Tâm *Tuấn*

ph *g* *le* *z*

11	Rượu Louis XIII	Chai	Loại 500 ml, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	02	40.000.000	80.000.000
12	Rượu Xuyên sơn giáp	Chai	Loại 420ml	Hàng mới	32	823.333	26.346.656
13	Rượu Cao hồ cốt	Chai	Loại 750ml	Hàng mới	60	786.667	47.200.020
Tổng (1):							712.813.362

2. Mặt hàng thuốc lá :

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Chủng loại, đặc điểm	Tình trạng hàng hoá	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Thuốc lá 3 số 555 vàng	Cây	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	38	333.333	12.666.654
2	Thuốc lá 3 số 555 xanh	Cây	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	40	333.333	13.333.320
3	Thuốc lá hoa sen	Cây	Loại dẹt, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	06	970.000	5.820.000
4	Thuốc lá hoa sen	Cây	Loại thường, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	06	936.667	5.620.002
5	Thuốc lá Yuxi	Cây	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	15	596.667	8.950.005

Nhận hồ sơ ngày: / / 20.....
Số bút lục: 1 6 6 6 6 6 6

Nhận hồ sơ ngày:/...../20.....
Số bút lục:-66-3698.

6	Thuốc lá Chunghua	Cây	Loại dẹt, màu đỏ vàng, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	57	1.900.000	108.300.000
7	Thuốc lá Chunghua	Cây	Loại thường, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	19	1.766.667	33.566.673
8	Thuốc lá Furongwang	Cây	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	04	1.066.667	4.266.668
9	Thuốc lá	Cây	Chữ nước ngoài, hộp màu vàng, loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	03	673.333	2.019.999
10	Thuốc lá HUANGHELOU 1916	Cây	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	04	1.600.000	6.400.000
11	Thuốc lá Harmonization tím	Cây	Loại cây dài, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	06	3.133.333	18.799.998
12	Thuốc lá Harmonization tím	Cây	Loại cây ngắn, 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	04	3.133.333	12.533.332
13	Thuốc lá Yuhuashi	Cây	Loại 10 bao/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	19	1.433.333	27.233.327

[Handwritten signatures and marks at the bottom of the page]



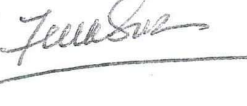
Tổng (2):							259.509.978
3. Mặt hàng mỹ phẩm:							
STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Chủng loại, đặc điểm	Tình trạng hàng hoá	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Nước hoa Tomford đen	Chai	Loại 100ml/chai, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	11	3.433.333	37.766.663
2	Serum Kiehl's	Chai	Loại 100ml/chai, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	21	1.266.667	26.600.007
3	Sữa rửa mặt SK-II	Tuýp	Loại 120g/tuýp, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	29	916.667	26.583.343
4	Sữa rửa mặt Chanel	Tuýp	Loại 150ml/tuýp, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	12	933.333	11.199.996
5	Sữa rửa mặt Clé de peau	Tuýp	Loại 125g/tuýp, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	18	1.116.667	20.100.006
6	Tẩy trang Shu uemura	Chai	Loại 450ml/chai, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	12	1.316.667	15.800.004
7	Phấn nước YSL	Hộp	Loại 14g/hộp, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	10	1.216.667	12.166.670

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
 VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC I
 Nhận hồ sơ ngày: 10/12/2016
 Số bút lục: 1216/2016

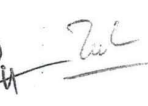
[Handwritten signatures and stamps at the bottom of the page]

8	Kem nền Estée	Lọ	Loại 30ml/lọ, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	23	750.000	17.250.000
9	Son Tom Ford	Cây	Loại 3g/cây, sản xuất ngoài Việt Nam	Hàng mới	20	916.667	18.333.340
Tổng (3):							185.800.029
4. Mặt hàng thuốc bắc							
STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Chủng loại, đặc điểm	Tình trạng hàng hoá	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Tam thất	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Đã sấy khô, dạng củ	4	583.333	2.333.332
2	Trương dương	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Đã sấy khô	3	450.000	1.350.000
3	Nhung hươu	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Loại trắng, đã sấy khô, đã thái lát mỏng	2	1.200.000	2.400.000
4	Cây cỏ thạch phụ	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Đã sấy khô	11	323.333	3.556.663
5	Thiếu linh	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Đã sấy khô	35	83.333	2.916.655
6	Nhung hươu	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Loại đỏ, đã sấy khô, đã thái lát mỏng	9	850.000	7.650.000
7	Thiên mã	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Đã sấy khô	15	243.333	3.649.995









8	Quả liệt dương	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Đã sấy khô	90	166.667	15.000.030
9	Máu nảo	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Đã sấy khô	25	56.667	1.416.675
10	Thuốc tẩy phổi	Kg	sản xuất ngoài Việt Nam	Đã sấy khô	3	266.667	800.001
Tổng (4):							41.073.351
Tổng 1+2+3+4 =							1.199.196.720

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
 VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN KHU VỰC 1
 Nhận hồ sơ ngày:/...../20.....
 Số bút lục: 17-06-2025

Ý kiến của các thành viên hội đồng:

* Ông Trần Duy Hiệu: Toàn bộ số hàng hóa đang bị tạm giữ thuộc sở hữu của Hộ kinh doanh cửa hàng lưu niệm Hữu Nghị gồm: **65** chai rượu sản xuất ngoài Việt Nam; **92** chai rượu sản xuất trong nước có độ cồn từ 5,5 độ trở lên; **221** cây thuốc lá các loại sản xuất ngoài Việt Nam loại 10 bao/1 cây; **156** sản phẩm thuộc nhóm hàng là mỹ phẩm sản xuất ngoài Việt Nam và **197** kg thuốc nhóm hàng là thuốc bắc sản xuất ngoài Việt Nam, do đó Đội Quản lý thị trường số 2 đã thành lập tổ khảo sát giá gồm 03 công chức Quản lý thị trường đã đi khảo sát giá tại các cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn các phiếu khảo sát đảm bảo trung thực, khách quan, qua xem xét thống nhất xác định giá trị hàng hóa bằng mức trung bình cộng của 03 phiếu khảo sát đối với từng nhóm mặt hàng (*Chi tiết giá hàng hóa theo biểu trên*).

* Ông Nông Văn Hiền: Các phiếu khảo sát do cán bộ Đội QLTT số 2 đi khảo sát, đã đảm bảo về nguyên tắc, trình tự, thủ tục. Về mức giá nhất trí lấy bình quân của 03 phiếu khảo sát đối với từng nhóm mặt hàng.

* Bà Lê Thị Lan, bà Chu Thị Yến: nhất trí với các ý kiến của cơ quan tài chính và bộ phận chuyên môn, phối hợp.

* Ông Hoàng Phạm Đức: Đội Quản lý thị trường số 2 đã thực hiện đúng các quy định về khảo sát giá hàng hóa, qua xem xét thực tế hàng hóa và giá tại các phiếu khảo sát của Đội Quản lý thị trường số 2 đã thu thập được giá bình quân là phù hợp, nhất trí với khảo sát giá trên.

* Ông Đặng Sĩ Tùng, bà Đinh Hải Vân, ông Phạm Tùng Lâm, ông Nông Mạnh Dũng, ông Hứa Thanh Sơn: Toàn bộ số hàng hóa đang tạm giữ tại Đội Quản lý thị trường số 2, khi tiến hành khảo sát giá đã khảo sát đúng loại hàng hóa tương tự, do vậy thống nhất xác định giá trị đối với số hàng hóa trên phù hợp.

* Kết luận: Sau khi các thành phần tham dự có ý kiến, cuộc họp thống nhất nội dung sau: Về mức giá số hàng hóa trên (rượu, thuốc lá, mỹ phẩm, thuốc bắc) bằng mức bình quân của 03 phiếu khảo sát giá đối với từng nhóm mặt hàng.

(Handwritten signatures and initials at the bottom of the page)

- Về mặt hàng rượu, tổng trị giá là **712.813.362 đồng** (Bảy trăm mười hai triệu tám trăm mười ba nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng)

- Về mặt hàng thuốc lá, tổng trị giá là **259.509.978 đồng** (Hai trăm năm mươi chín triệu năm trăm linh chín nghìn chín trăm bảy mươi tám đồng).

- Về mặt hàng mỹ phẩm, tổng trị giá là **185.800.029 đồng** (Một trăm tám mươi năm triệu tám trăm nghìn không trăm hai mươi chín đồng)

- Về mặt hàng thuốc bắc, tổng trị giá là **41.073.351 đồng** (Bốn mươi một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm năm mươi một đồng)

- Tổng trị giá 04 nhóm hàng trên là **1.199.196.720 đồng** (Một tỷ một trăm chín mươi chín triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng)

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 07 tờ, được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN TÀI CHÍNH**



Nông Văn Hiền

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Trần Duy Hiệu

**ĐẠI DIỆN BỘ
PHẦN CHUYÊN MÔN**

1. Đặng Sĩ Tùng 

2. Đinh Hải Vân 

3. Hứa Thanh Sơn 

4. Nông Mạnh Dũng 

5. Phạm Tùng Lâm 

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
CHUYÊN MÔN/ PHỐI HỢP**

1. Lê Thị Lan 

2. Chu Thị Yến 

3. Hoàng Phạm Đức 